TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2024/HC-PT
Ngày: 19/9/2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường
Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường
Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 195/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1811/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số B đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đặng Đình T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T2 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người kháng cáo: N*gười khởi kiện bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị T và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Phạm Thị T là người được thanh lý tài sản nhà nước khi Công ty N phá sản theo Luật phá sản bởi Quyết định thanh lý tài sản số 15/QĐ-BTS và Biên bản bàn giao nhà cùng ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tại Quyết định thanh lý tài sản đều thể hiện tài sản thanh lý là *"*Nhà B H, thành phố B*"* và đều nói rõ việc người mua các ki ốt nói trên liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai hiện hành.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai 2003 (luật áp dụng tại thời điểm sự kiện pháp lý xảy ra) cũng như quy định hiện hành tại điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 thì người được thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất đều có quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Như vậy, tại thời điểm bà T được thanh lý nhà ở gắn liền với đất, bà T là người có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bận công việc bà T chưa kịp làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi được thanh lý nhà ở (tài sản Nhà nước). Sau một thời gian bà T đi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì khu vực này nằm trong quy hoạch nên chính quyền địa phương không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà T đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện ngay tại thời điểm đó không phải là sự kiện làm mất đi quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Bộ luật Dân sự quy định về *"Thực hiện quyền dân sự"* như sau:

"2. Việc cá nhân, pháp nhân không thực hiện quyền dân sự của mình không phải là căn cứ làm chấm dứt quyền, trừ trường hợp luật có quy định khác"...Luật Đất đai cũng không có quy định về thời hạn đăng ký quyền sử dụng đất mà chỉ quy định về điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T là người đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đất liên tục và hợp pháp. Chứng minh cho việc sử dụng đất liên tục, đúng mục đích và hợp pháp của mình chính là việc bà T thực hiện đóng đầy đủ tiền thuế sử dụng đất hàng năm cho địa phương (có chứng từ nộp thuế sử dụng đất kèm theo).

Như vậy, khi nhà nước thu hồi đất bà T sử dụng đất đúng mục đích sử dụng từ khi có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đến khi Nhà nước thu hồi đất, không

tranh chấp. Là đối tượng đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội, vì lợi ích quốc gia công cộng theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai.

"Điều 75. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp".

Và chính vì bà T là người sử dụng đất hợp pháp nên bà T có những quyền luật định như: Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 167 Luật Đất đai. Bà T là người đang sử dụng đất ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp, đóng thuế sử dụng đất đầy đủ, không phải là đất thuê trả tiền hàng năm. Có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy mà khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, cơ quan quản lý đất đai. Ở đây là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, là đơn vị làm công tác giải phóng đền bù đã cố tình "Đánh tráo nội dung quyết định của Toà án".

Trong Quyết định về việc bán tài sản số 15/QĐ-BTS ngày 20 tháng 9 năm 2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ghi rõ:

"Nhà 24 H, tp B, tỉnh Đắk Lắk; có diện tích 143,90 m^2.

03 Ki ốt số 09 H, tp B, tỉnh Đắk Lắk; có diện tích 135,2 m^2 (01 Ki ốt = 45,07 m^2).

Người mua các ki ốt nói trên có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai hiện hành".

Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nói rõ là "nhà" và cũng nêu rõ việc *"người mua ki ốt nói trên liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất"* nhưng UBND thành phố B lại cho rằng *"hồ sơ thể hiện là ki ốt"* để bà T không thuộc đối tượng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai (vì không phải nhà). Công ty C1 là Công ty 100% vốn nhà nước đã phá sản, thanh lý tài sản Nhà nước nhưng Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B vẫn cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của Công ty này là một điều vô cùng phi lý. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện quản lý, không phải là tài sản riêng của Nhà nước.

Nhà nước là chủ thể đặc biệt nên việc sử dụng đất của cơ quan Nhà nước khác với việc công nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Những gì quy định trong Luật thì không thể làm trái với bất cứ lý do gì.

Đối tượng sử dụng đất trước kia là công ty N đã phá sản, tài sản trên đất đã thanh lý, đất thuộc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Đất đai. Bà T là người được thanh lý tài sản trên đất và có quyền sử dụng đất theo luật, bà T không thuê đất trả tiền hàng năm. Vậy mà cơ quan chức năng cố tình *"Không thực hiện, đánh tráo khái niệm"* để không bồi thường về đất cho bà T theo quy định của pháp luật, từ đó cũng không cấp đất tái định cư cho gia đình bà T theo luật định. Làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Hiện tại bà T vẫn phải thuê nhà để ở và sinh sống mà chưa có diện tích đất ở nào tại địa phương.

Là người sử dụng đất, bà T thực hiện việc kinh doanh và giao cho cháu bà T quản lý. Khi ban giải phóng đền bù lập hồ sơ kiểm đếm, lập phương án giải phóng đền bù. Ban giải phóng đền bù tự xác định là bà T không phải người sử dụng đất vì bà T không ở đó mà cho người khác kinh doanh trong khi bà T là người nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Đặc biệt là việc khi bà T khiếu nại quyết định hành chính gửi tới UBND thành phố B lần 01 thì thay vì ra Quyết định giải quyết khiếu nại theo luật định. UBND thành phố B chuyển Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ra Văn bản số 164/CV-TTPTQĐ ngày 25 tháng 08 năm 2022 trả lời bà T về việc bà T *"không đủ điều kiện bồi thường về đất"* và Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B ban hành là đúng quy định.

Không đồng ý với cách giải quyết của UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Bà T tiếp tục khiếu nại lần 02 thì được UBND thành phố B ra Văn bản số 4559/UBND- TTPTQĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 trả lời đơn của bà T cũng với nội dung cho rằng: Trong Quyết định số 15/QĐ-BTS về việc bán tài sản thì Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bán căn nhà số B H cho bà Phạm Thị T với diện tích 143,9 m^2 (Kèm theo Biên bản bàn giao nhà ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Hiện tại bà T không ở căn nhà nói trên. Các hồ sơ kèm theo chỉ thể hiện mua bán ki ốt bán hàng chứ không phải mua bán nhà ở gắn liền với đất ở hoặc mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Quyết định có hiệu lực của Tòa án là loại văn bản thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bởi người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhân danh người ký hoặc nhân danh cơ quan, tổ chức đó. Theo quy định tại Điều 19 Bộ luật Tố tụng dân sự thì:

"Điều 19. Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, to chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chính chấp hành".

Vậy việc trong Quyết định của Tòa án ghi rõ là "nhà" nhưng cơ quan chức năng lại cho rằng là "ki ốt" là có dấu hiệu của việc *"không thực hiện bản án, Quyết định của Tòa án".*

Vì bà T không đồng ý với Quyết định về việc phê duyệt phương án đền bù của UBND thành phố B nên khi các hộ xung quanh đã tháo dỡ, sợ ảnh hưởng đến tài sản và tính mạng gia đình mình, bà T đã thuê nhà dọn đi chỗ khác để ở từ cuối năm 2021. Tất cả tài sản trên đất của bà T bị Ban giải phóng đền bù tự cưỡng chế tháo dỡ mà không có sự đồng ý của bà T. Đến ngày 17/01/2023, bà T làm gì còn nhà mà ở trên đất đó. Vậy mà tại các văn bản trả lời đơn khiếu nại của công dân, cơ quan chức năng vẫn trả lời *"hiện bà T không ở tại căn nhà nói trên"*. Công ty C1 là Công ty 100% vốn Nhà nước. Khi phá sản, Nhà nước thanh lý tài sản Nhà nước. Nhưng cơ quan chức năng lại cho rằng *"không phải mua bán nhà ở gắn liền với đất ở hoặc mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước"*.

Bà T được thanh lý tài sản Nhà nước, có quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, không nhận quản lý đất của bất cứ tổ chức nào. Nhưng UBND thành phố B lại tự cho rằng đất bà T sử dụng là đất được giao để quản lý mà không có bất cứ căn cứ nào về việc giao bằng hình thức nào, văn bản nào, cơ quan nào giao?

Từ những căn cứ, lập luận như trên. Đối chiếu với các quy định của pháp luật liên quan, bà Thu nhận thấy việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vậy bà T làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Tuyên hủy Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B vì lý do ban hành Quyết định hành chính sai về nội dung, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của công dân.

Yêu cầu UBND thành phố B thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thiệt hại do việc ban hành Quyết định hành chính trái pháp luật cho gia đình bà T với nội dung sau:

Bồi thường về đất ở là 01 lô đất tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: Vị trí đất mặt tiền 47 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP số tiền là: 411.276.184đ. (Bốn trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm tám mươi tư đồng). Bà T đã nhận 304.615.000 đồng còn lại số tiền yêu cầu bồi thường là 106.661.184 đồng; Bồi thường tài

sản, vật kiến trúc khác theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP số tiền là: 13.836.321đ. (Mười ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng); Hỗ trợ tiền thuê nhà do phải di chuyển chỗ ở mà chưa được giải quyết quyền lợi: 12 tháng x 1.500.000 đ = 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng); Hỗ trợ chi phí thuê Luật sư khởi kiện vụ án hành chính với số tiền 100.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng, đại diên theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện thống nhất trình bày:

Căn cứ Thông báo số 177/TB-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Đ về việc Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc xem xét phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư Khu dân cư thuộc quy hoạch Trung tâm văn hóa tỉnh; Căn cứ Thông báo số 310/TB-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố B về việc ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch thành phố tại cuộc họp xem xét thống nhất một số nội dung liên quan đến việc giải tỏa, tái định cư để thực hiện dự án mở rộng Trung tâm văn hóa tỉnh ngày 21/7/2017; Căn cứ Công văn số 1003/UBND-TCKH ngày 14/3/2019 của UBND thành phố B về việc giao chủ đầu tư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ; Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc cho phép chuẩn bị đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ; Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đ về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C;

Sau khi các ngành chuyên môn của UBND thành phố triển khai thực hiện đầy đủ các bước trong công tác thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 04/8/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6962/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ (đợt 6); Quyết định số 6963/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của Công ty C1 do hộ bà Phạm Thị T đang sử dụng. Đất có nguồn gốc Nhà nước giao cho Công ty C1 để xây dựng ki ốt bán hàng thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ 15, tại phường T (hiện nay Công ty C1 đã giải thể) để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ.

Đối với Đơn khởi kiện về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định hành chính số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B. Lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà Phạm Thị T thì UBND tp B có ý kiến như sau:

- Về nguồn gốc đất: Đất Nhà nước giao cho Sở Nông lâm nghiệp (nay là Sở N1) quản lý. Ngày 22/12/1992, Sở Nông nghiệp giao cho Công ty C1 quản lý 05 gian hàng bán giới thiệu sản phẩm tại Quyết định số 114/QĐ-NLN ngày 22/12/1992. Sau khi Công ty C1 phá sản, ngày 20/9/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 15/QĐ-BTS về việc bán tài sản. Theo đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bán căn nhà số B H cho bà Phạm Thị T với diện tích 135,3m^2 (kèm theo biên bản giao nhà ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Hộ bà Phạm Thị T phải nộp tiền thanh lý nhà là 69.143.405 đồng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thống nhất giải quyết tại Biên bản giải quyết bù trừ nghĩa vụ "về việc đình chỉ hợp đồng đang có hiệu lực của Công ty C1". Hiện bà T không ở tại căn nhà nói trên. Diện tích đo đạc thực tế thửa đất số 32, tờ bản đồ 15, diện tích là 135,3m^2. Diện tích thu hồi: 135,3m^2 đất phi nông nghiệp của Công ty C1.

Tại Quyết định số 114/QĐ-NLN ngày 22/12/1992 "về việc giao gian hàng bán giới thiệu sản phẩm". Quyết định số 15/QĐ-BTS ngày 20/9/2005 "về việc bán tài sản" của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Biên bản giải quyết bù trừ nghĩa vụ ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì bà T phải nộp tiền nhà thanh lý với số tiền là 69.143.405 đồng. Biên bản giao nhà ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đây không phải là trường hợp Nhà nước thanh lý nhà ở gắn liền với đất ở theo khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai 2003 nên bà T không thuộc trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ (đợt 6); Quyết định số 6963/QĐ-UBND, ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của Công ty C1 do hộ bà Phạm Thị T đang sử dụng. Đất có nguồn gốc Nhà nước giao cho Công ty C1 để xây dựng ki ốt bán hàng thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ 15, tại phường T (hiện nay Công ty C1 đã giải thể) để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ. Theo khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai 2013 quy định đất của Nhà nước giao để quản lý. Do đó, bà Phạm Thị T không thuộc đối tượng thu hồi đất nên không có cơ sở yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định hành chính số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B. Lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Yêu cầu UBND thành phố B tiếp tục thực hiện các công việc về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị T các khoản như sau: Nhà cửa, vật kiến trúc thêm với số tiền 106.661.184 đồng; Bồi thường tài sản, vật kiến trúc khác số tiền là: 13.836.321 đồng; Hỗ trợ tiền thuê nhà 18.000.000 đồng; Hỗ trợ chi phí thuê Luật sư khiếu kiện vụ án hành chính với số tiền 100.000.000 đồng; Bồi thường về đất ở là 01 lô đất tái định cư…

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2024, người khởi kiện bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu đền bù hỗ trợ tái định cư cho bà.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và bác kháng cáo của bà Phạm Thị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị T; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Theo sổ hộ khẩu bà T cung cấp thì hộ bà T có 04 nhân khẩu gồm bà T, ông Hà Văn Á là chồng bà T, anh Hà Quang D là con trai bà T và bà Nguyễn Thị H1 là chị bà T. Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 05/10/2020 của UBND phường T, thể hiện nguồn gốc đất được nhà nước giao cho Sở Nông lâm nghiệp (nay là Sở N1) quản lý. Ngày 22/12/1992, Sở N2 giao cho Công ty C1 quản lý 05 gian hàng bán giới thiệu sản phẩm (theo Quyết định số 114/QĐ-NLN ngày 22/12/1992). Ngày 04/01/2001, Công ty C1 ký Hợp đồng cho thuê nhà số 01/HĐKT cho bà Phạm Thị T thuê mặt bằng số nhà B đường H, thành phố B với thời hạn cho thuê từ tháng 01/2001 đến hết tháng 01/2031. Do Công ty C1 phá sản, ngày 20/9/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 15/QĐ-BTS về việc bán tài sản với nội dung bán cho bà T diện tích 143,9m^2 (kèm theo Biên bản bàn giao nhà ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Theo đó, bà T phải nộp tiền thanh lý nhà với số tiền 69.143.405 đồng và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thống nhất giải quyết tại Biên bản giải quyết bù trừ nghĩa vụ ngày 20/9/2005. Hiện bà T không ở tại căn nhà nói trên. Hồ sơ kèm theo chỉ thể

hiện việc mua bán ki ốt bán hàng chứ không phải mua bán nhà ở gắn liền với đất ở hoặc mua bán nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước. Như vậy, bà T không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, không ở tại vị trí đất thu hồi mà đang cho người khác thuê, không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở.

[1.2] Tại Thông báo số 88/TB-UB ngày 23/12/1992 của UBND tỉnh Đ về việc quy hoạch xây dựng khu Trung tâm văn hóa của tỉnh tại thị xã B thì phần diện tích đất của bà T đang quản lý, sử dụng đã được quy hoạch xây dựng khu Trung tâm văn hóa của tỉnh từ năm 1992. Đến năm 2005, bà T mới mua thanh lý đối với tài sản trên nên khi bà T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1.3] Do đó, theo quy định khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của bà T.

[1.4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà T không cung cấp chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 75, khoản 2 Điều 80 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 7, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Yêu cầu UBND thành phố B tiếp tục thực hiện các công việc về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị T các khoản như sau: Nhà cửa, vật kiến trúc thêm với số tiền 106.661.184 đồng; bồi thường tài sản, vật kiến trúc khác số tiền là: 13.836.321 đồng; Hỗ trợ tiền thuê nhà 18.000.000 đồng; Hỗ trợ chi phí thuê luật sư khiếu kiện vụ án hành chí

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012904 ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, bà Phạm Thị T đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường